

Bản án số: 56/2023/HS-PT

Ngày: 16/5/2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Bằng và ông Vũ Thanh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2023/TLPT-HS ngày 29 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HS-ST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1. Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ. Nơi sinh và cư trú: Thôn L, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1938 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1941; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo có chồng là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967, có 03 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1999; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 29/11/2021 Công an huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Hủy hoại tài sản”; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; (Bị cáo có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án không có lý do)

2. Bị hại kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1962

Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Thôn L, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương; Có mặt tại phiên tòa.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1976

3.2. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980

3.3. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1982

(Ông V có mặt, ông Q, ông K vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Tháng 7/2022, Nguyễn Thị Đ làm nghề xây dựng và cùng thợ thi công xây nhà cho anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1976, ở thôn L, xã L, huyện C. Trong quá trình xây dựng, một số vỏ bao xi măng rơi xuống khu vực gần cổng nhà bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1962, ở thôn L, xã L, huyện C (là hàng xóm của anh Việt). Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10/7/2022, khi Đ đang dùng máy tời vận chuyển gạch lên tầng hai tại đường trước cửa nhà anh V thì bà H đi ra chửi, mắng Đ về việc vứt bao xi măng xuống đường làm bụi bẩn vào nhà bà H dẫn đến hai bên xảy ra xô xát, cãi nhau. Quá trình xô xát, Đ nhặt 01 ống tuýp bằng kim loại dài 49,7cm, đường kính 2,1cm và 01 ống tuýp kim loại dài 53cm, đường kính 2,7cm (là dụng cụ dùng để điều khiển máy tời gạch) vứt một cái vào đầu và hai cái vào tay bà H. Lúc này, anh Nguyễn Văn V; anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980 và anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1982, đều ở thôn L, xã L, huyện C ra can ngăn thì hai bên không xô xát nữa. Hậu quả: Bà H bị chảy máu đầu và bầm tím tay, phải đi điều trị tại Trung tâm y tế huyện C từ ngày 11/7/2022 đến ngày 18/7/2022. Ngày 30/9/2022, bà H có đơn yêu cầu khởi tố, vụ án được điều tra làm rõ.

Kết luận giám định số 28/TgT ngày 06/9/2022 của Trung tâm pháp y - Sở Y, kết luận đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H: Sẹo vết thương phần mềm vùng đầu ở đỉnh trái kích thước trung bình, tổn thương trên có đặc điểm do vật tày gây ra. Bà H bị bà Đ dùng tuýp sắt đánh có thể gây ra tổn thương. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 2%.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Giàng đã quản lý 01 ống tuýp kim loại dài 49,7cm, đường kính 2,1cm và 01 ống tuýp kim loại dài 53cm, đường kính 2,7cm do Nguyễn Thị Diệp tự nguyện giao nộp ngày 10/7/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Đ bồi thường số tiền 9.000.000đồng, bao gồm chi phí điều trị thương tích, tổn hại sức khỏe, ngày công lao động bị thiệt hại và các chi phí khác theo quy định của pháp luật. Ngày 28/12/2022, bị cáo tự nguyện nộp bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả 3.000.000đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cẩm Giàng.

Về vật chứng vụ án: 02 ống tuýp kim loại (01 ống tuýp dài 49,7cm, đường kính 2,1cm và 01 ống tuýp dài 53 cm, đường kính 2,7cm) được quản lý tại kho vật chứng Công an huyện C chờ xử lý.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HS-ST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 38; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48; Điều 54 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 590; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Luật phí và lệ phí số

97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 04 tháng tù về tội cố ý gây thương tích; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đ có trách nhiệm bồi thường cho bà H tổng số tiền 9.000.000đ. Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/3/2023, bị cáo Nguyễn Thị Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 09/3/2023 bị hại Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị không cho bị cáo hưởng án treo và xử bị cáo mức hình phạt tù đến 3 năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét nguyên nhân do bị hại đánh bị cáo trước, mức hình phạt tại bản án sơ thẩm đối với bị cáo là nặng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã nộp hết tiền bồi thường theo bản án sơ thẩm, đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị hại giữ nguyên các nội dung đã kháng cáo, đồng thời bổ sung nội dung kháng cáo buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng cộng các khoản là 90 triệu đồng. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử bị cáo hình phạt tù và tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh tham gia phiên tòa sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án xác định cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đ về tội Cố ý gây thương tích theo điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo, bị hại: Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo tự nguyện nộp toàn bộ số tiền bồi thường theo bản án sơ thẩm đã tuyên thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo có tiền sự, mức hình phạt tại bản án sơ thẩm là phù hợp, đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại giữ nguyên bản án sơ thẩm; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm Hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo và bị hại trong thời hạn luật định, là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo, bị hại:

2.1. Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo giai đoạn điều tra, xét xử tại cấp sơ thẩm; cơ bản phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng; phù hợp với Kết luận giám định pháp y về thương tích và vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do mâu thuẫn cá nhân,

khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10/7/2022, tại khu vực đường trước cửa nhà đang xây của anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1976, ở thôn L, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương, bị cáo Nguyễn Thị Đ đã có hành vi dùng 02 ống tuýp bằng kim loại (01 ống tuýp dài khoảng 49,7cm, đường kính 2,1cm; 01 ống tuýp dài khoảng 53 cm, đường kính 2,7cm) vọt 01 cái vào đầu và 2 cái vào tay bà H. Hậu quả: Bà H bị thương ở đầu, tỷ lệ tổn thương là 2%. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo dùng 02 ống tuýp bằng kim loại được xác định là hung khí nguy hiểm, vọt vào cơ thể bà H gây nên tỷ lệ 02%. Do vậy, tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Đ về tội Cố ý gây thương tích theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo, bị hại không kháng cáo về tội danh.

2.2. Đối với kháng cáo bị hại về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo gây thương tích cho bị hại 2% nhưng do dùng ống tuýp bằng kim loại là hung khí nên cấu thành tội phạm Cố ý gây thương tích theo điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng gây hậu quả không lớn. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cấp sơ thẩm bị cáo tự nguyện nộp số tiền 3.000.000đ tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng để bồi thường cho bị hại; quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo tích cực ủng hộ quỹ vì người nghèo được Ban Mặt trận tổ quốc xã L xác nhận. Do vậy, tại bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy kháng cáo của bị hại về nội dung này là không có căn cứ nên không được chấp nhận

2.2. Đối với kháng cáo của bị hại về việc áp dụng Điều 54 BLHS và kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại về hình phạt của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây tổn hại đến sức khỏe của bị hại, trong khi giữa bị cáo và bị hại hoàn toàn có thể lựa chọn xử sự khác phù hợp pháp luật. Tuy nhiên, xét nguyên nhân mâu thuẫn và diễn biến nội dung vụ việc thấy rằng bản thân bị hại có một phần lỗi. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều Điều 54 BLHS, xử bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo, bị hại về hình phạt của bị cáo: Bản thân bị cáo có tiền sự: Ngày 29/11/2021, bị cáo bị Công an huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Hủy hoại tài sản”, bị cáo chưa chấp hành nộp tiền phạt, chưa được xóa. Do vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe

giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên xét, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đ tự nguyện nộp án phí và nộp toàn bộ tiền bồi thường theo bản án sơ thẩm thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo. Xét có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có ý thức bồi thường bù đắp thiệt hại cho bị hại. Do vậy chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của bị hại.

[3] Đối với kháng cáo bổ sung của bị hại đề nghị tăng bồi thường thiệt hại thấy rằng:

Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm bị hại yêu cầu bồi thường thương tích tổng cộng 9 triệu đồng bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Tại bản án hình sự sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 590; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự; chấp nhận các khoản bồi thường thương tích theo quy định pháp luật bao gồm: Chi phí điều trị, tiền mất thu nhập của bị hại, tiền mất thu nhập của người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị, tổn thất tinh thần và tiền bồi dưỡng sức khỏe tổng cộng là 9.000.000đ đồng. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường của bị hại đưa ra. Tại cấp phúc thẩm, bị hại yêu cầu tăng mức bồi thường, yêu cầu bị cáo bồi thường tổng cộng 90.000.000đ đồng nhưng không xuất trình tài liệu chứng cứ nào khác. Xét thấy bản án sơ thẩm đã xem xét toàn bộ các chi phí hợp lý và đầy đủ các khoản bồi thường phù hợp với tỷ lệ thương tích là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, nên bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 90.000.000đ là không có căn cứ, nên không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Bị cáo Đ được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Đ; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Sửa bản án Hình sự sơ thẩm số 15/2022/HS-ST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ **03** (ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 590; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự Buộc bị cáo Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1962. Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Thôn L, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương, tổng số tiền 9.000.000đ (*Chín triệu đồng chẵn*), bao gồm các khoản thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định của pháp luật Đối trừ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn) bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tiền số AA/2020/0000849 ngày 28/12/2022 và số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng chẵn theo biên lai thu tiền số AA/2020/0000867 ngày 03/3/2023. (Bị cáo đã nộp tiền bồi thường xong.)

4. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 16/5/2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Cẩm Giàng (2 bản);
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- CQCSĐT – CA huyện Cẩm Giàng;
- CQTHAHS – CA tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, lưu Tòa .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến